

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

Tại ngày 31 tháng 07 năm 2011

1. Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Việt Nam
2. Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
3. Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng Manulife (MAFPF1)
4. Ngày lập báo cáo : 04/08/2011

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm báo cáo		Năm trước năm báo cáo	
			Số phát sinh kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Số phát sinh kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
	A	B	1	2	3	4
A. Xác định Kết quả hoạt động đã thực hiện						
I	Thu nhập từ hoạt động Đầu tư đã thực hiện	10	1,686,903,180	4,528,016,034	(2,376,402,659)	(1,769,323,503)
1	Cổ tức được nhận	11	-	2,270,292,100	7,400	2,279,949,500
2	Lãi trái phiếu được nhận	12	5,123,069	35,035,178	-	-
3	Lãi tiền gửi	13	63,468,525	183,533,686	-	4,376,347
4	Thu nhập bán chứng khoán	14	1,618,311,586	2,039,155,070	(2,376,410,059)	(4,053,649,350)
5	Thu nhập khác	18	-	-	-	-
II	Chi phí	30	298,915,463	2,243,541,385	305,589,470	2,258,824,108
1	Phí Quản lý Quỹ	31	217,417,037	1,638,496,388	243,990,183	1,765,589,043
2	Phí Giám sát, lưu ký tài sản Quỹ	32	21,809,750	151,047,895	19,094,000	132,755,000
3	Chi phí hợp, đại hội	33	9,659,259	66,056,868	7,745,399	75,502,709
4	Chi phí Kiểm toán	34	18,582,330	161,202,779	17,609,377	124,269,404
5	Chi phí tư vấn, đánh giá	35	-	-	-	-
6	Các loại phí khác	38	31,447,087	226,737,455	17,150,511	180,707,952
III	Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong kỳ (I - II)	50	1,387,987,717	2,284,474,649	(2,681,992,129)	(4,028,147,611)
B. xác định kết quả chưa thực hiện						
I	Thu nhập	60	-	18,779,949,022	-	19,615,829,513
1	Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán	61	-	18,779,949,022	-	19,615,829,513
2	Thu nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại	62	-	-	-	-
II	Chi phí	70	6,043,411,976	39,550,610,048	392,452,347	17,964,821,193
1	Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư	71	6,043,411,976	39,550,610,048	392,452,347	17,964,821,193
2	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	72	-	-	-	-
III	Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện cuối kỳ (I - II)	80	(6,043,411,976)	(20,770,661,026)	(392,452,347)	1,651,008,320



Lê Thị Thành Tâm
Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Kế toán trưởng

Ngô Thị Bạch Minh Luân

Công ty quản lý quỹ



Tổng Giám Đốc

Trần Hồng Tiến

BÁO CÁO TÀI SẢN CỦA QUỸ

Tại ngày 31 tháng 07 năm 2011

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Việt Nam
- Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
- Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng Manulife (MAFPF1)
- Ngày lập báo cáo : 04/08/2011

Đơn vị tính : VND

STT	Tài sản	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Chênh lệch kỳ báo cáo so với kỳ trước
I. 1	Tiền và các khoản tương đương tiền	11,129,234,203	11,197,071,584	(67,837,381)
1.1	Tiền gửi không kì hạn	3,811,055,698	6,458,618,592	(2,647,562,894)
1.2	Tiền gửi có kì hạn	7,318,178,505	4,738,452,992	2,579,725,513
I. 2	Các khoản Đầu tư	118,483,006,156	123,290,898,532	(4,807,892,376)
2.1	Trái phiếu Chính phủ	-	-	-
2.2	Trái phiếu Công ty	647,734,256	644,676,032	3,058,224
2.3	Cổ phiếu	117,835,271,900	122,646,222,500	(4,810,950,600)
2.3.1	Cổ phiếu niêm yết	117,835,271,900	122,646,222,500	(4,810,950,600)
2.3.2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-
2.4	Quyền mua	-	-	-
I. 3	Cổ tức được nhận	495,272,400	735,297,800	(240,025,400)
I. 4	Trái tức được nhận	60,154,740	55,031,671	5,123,068
I. 5	Tiền bán chứng khoán chờ thu	511,974,000	-	511,974,000
I. 6	Các khoản phải thu khác	-	-	-
I. 7	Lãi tiền gửi được nhận	19,186,193	35,443,181	(16,256,988)
I. 7	Các tài sản khác	-	-	-
I. 8	TỔNG TÀI SẢN	130,698,827,692	135,313,742,768	(4,614,915,077)
STT	Nợ			
II. 1	Tiền phải thanh toán mua Chứng khoán	-	-	-
II. 2	Phí quản lý phải trả	217,417,037	225,189,030	(7,771,993)
II. 3	Phí giám sát và lưu ký phải trả	20,000,000	20,000,000	-
II. 4	Các khoản phải trả khác	248,605,789	200,324,613	48,281,176
	Chi phí hợp phải trả	101,487,042	91,827,783	9,659,259
	Chi phí dịch vụ đầu tư phải trả	20,039,587	-	20,039,587
	Chi phí kiểm toán	127,079,160	108,496,830	18,582,330
	Chi phí giá OTC	-	-	-
II. 5	TỔNG NỢ	486,022,826	445,513,643	40,509,183
STT	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC			
III.1	Tài sản ròng của Quỹ (I. 8 - II. 5)	130,212,804,866	134,868,229,125	(4,655,424,260)
III.2	Tỷ lệ Tổng nợ/ Tài sản ròng của Quỹ	0.37%	0.33%	0.04%
III.3	Tổng số Đơn vị Quỹ	21,409,530	21,409,530	-
III.4	Giá trị của một Đơn vị Quỹ	6,082	6,299	(217)

(0)



Lê Thị Thành Tâm
Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC



Trần Hồng Tiến

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ
Tại ngày 31 tháng 07 năm 2011

1. Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Việt Nam
2. Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
3. Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng Manulife (MAFPF1)
4. Ngày lập báo cáo : 04/08/2011

Đơn vị tính: VND

STT	Chi tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
I	Giá trị Tài sản ròng đầu kỳ của Quỹ	134,868,229,125	130,548,859,625
II	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	(4,655,424,259)	4,319,369,500
	Trong đó		
1	Thay đổi giá trị Tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ	(4,655,424,259)	4,319,369,500
2	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà Đầu tư	-	-
III	Giá trị Tài sản ròng của Quỹ cuối kỳ	130,212,804,866	134,868,229,125
IV	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ	6,082	6,299



Lê Thị Thành Tâm
Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSB

Trần Hồng Tiến